

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

- Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- Địa chỉ:** Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- Giấy CNĐKDN:** 2500222004 do Sở KHĐT Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/06/2003, cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 05/10/2021.
- Thời gian:** Bắt đầu lúc 08 giờ 30 phút ngày 08/01/2022.  
Kết thúc lúc 12 giờ 30 phút ngày 08/01/2022.
- Địa điểm:** Trụ sở Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc, Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chương trình và nội dung Đại hội:** Theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua (đính kèm).
- Chủ tọa Đại hội:** Ông Trịnh Việt Dũng
- Ban Bầu cử và kiểm phiếu đại hội:** 1. Ông Nguyễn Mạnh Hà  
2. Ông Trần Văn Hải  
3. Bà Phùng Thị Chung Thủy
- Thư ký Đại Hội:** 1. Ông Nguyễn Duy Hưng  
2. Ông Đỗ Văn Thắng
- Tổng số đại biểu:** Tổng số đại biểu tham dự trực tiếp và đại diện được ủy quyền tham dự có mặt tại đại hội là 39 cổ đông, tương ứng 17.230.563 cổ phần, chiếm 81,96% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI: (Theo trình tự thời gian)**

**I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

**1. Ban tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự Đại hội**

**2. Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội:** Bà Nguyễn Ngọc Lan, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành đăng ký cổ đông và báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

❖ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 21.023.450 cổ phần.



❖ Tổng số cổ phần trực tiếp tham dự và ủy quyền tham dự là: 17.230.563 cổ phần, tương đương 81,96% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Với việc đạt được 81,96% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc đủ điều kiện tiến hành.

### **3. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội và giới thiệu Đoàn Chủ tịch**

Ông Phạm Trung Kiên – Tổng Giám đốc Công ty trình bày Quy chế làm việc.

*Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.*

#### **Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch:**

1. Ông Trịnh Việt Dũng - Chủ tịch Đoàn;
2. Ông Phạm Hữu Ánh - Thành viên;
3. Ông Phạm Trung Kiên - Thành viên.

*Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.*

### **4. Đoàn Chủ tịch giới thiệu đề cử Ban thư ký Đại hội và bầu Ban bầu cử và kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội và thông qua chương trình nghị sự của Đại hội.**

#### **4.1. Ban Thư ký Đại hội**

1. Ông Nguyễn Duy Hưng - Trưởng Ban;
2. Ông Đỗ Văn Thắng - Thành viên.

*Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.*

#### **4.2. Ban Bầu cử và kiểm phiếu biểu quyết Đại hội**

1. Ông Nguyễn Mạnh Hà - Trưởng Ban
2. Ông Trần Văn Hải - Ủy viên
3. Bà Phùng Thị Chung Thủy - Ủy viên.

*Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.*

#### **4.3. Đoàn Chủ tịch thông qua chương trình nghị sự của Đại hội**

- Ông Trịnh Việt Dũng – Chủ tịch đoàn giới thiệu Chương trình Đại hội để các cổ đông thông qua.

*Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.*

## **II. TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI**

1. Ông Trịnh Việt Dũng – Chủ tịch đoàn trình bày “Báo cáo hoạt động của HĐQT năm tài chính 2021, Kế hoạch thực hiện năm tài chính 2022” (có báo cáo đính kèm);

2. Ông Phạm Trung Kiên – Thành viên Đoàn Chủ tịch trình bày “Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021, Kế hoạch thực hiện năm tài chính 2022” (có báo cáo đính kèm);

3. Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kế toán trưởng Công ty trình bày tóm tắt “Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm tài chính 2021” (có báo cáo đính kèm);

4. Ông Phạm Hữu Ánh – Thành viên Đoàn Chủ tịch trình bày “Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy Ban Kiểm toán” (có báo cáo đính kèm).

5. Chủ tịch Đoàn đọc các Tờ trình của HĐQT, Ủy Ban kiểm toán và trình các vấn đề cần lấy ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ thông qua:

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm tài chính 2022.

- Trích các Quỹ và mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021, mức dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022 cho các Quỹ và Cổ đông trong năm tài chính 2022.
- Mức kinh phí hoạt động của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT trong năm tài chính 2022.
- Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Hồng Đức – huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.
- Dự thảo sửa đổi Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Sửa đổi ngành nghề kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.
- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm tài chính 2021.
- Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm tài chính 2022.
- Miễn nhiệm TV độc lập HĐQT (ông Phạm Văn Hoanh) và bầu bổ sung TV độc lập HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2024.

### III. THẢO LUẬN

1. Ông Trịnh Việt Dũng Chủ tọa Đại hội chủ trì việc thảo luận nội dung các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội.

2. Phần thảo luận tại Đại hội của các đại biểu tham dự:

**Câu hỏi 1 (Mã cổ đông: 856):** Đề nghị giải thích về doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021 và dự kiến Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022?

**Trả lời:** Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm do diện tích đất cho thuê giảm. Dự kiến Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022 tăng 15,67% do: Thoái vốn L18 và thu từ các đơn vị liên doanh, liên kết.

**Câu hỏi 2 (Mã cổ đông: 856):** Hai Dự án CCN Hồng Đức và KCN Sông Lô II đặt mục tiêu đến năm 2025 mới có đất cho thuê là quá lâu. Nên phần đầu có đất cho thuê sớm hơn.

**Trả lời:** Theo hồ sơ trình các cơ quan ban ngành, kế hoạch đến năm 2025 mới có đất cho thuê. Tuy nhiên Công ty đang đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng, phần đầu đến cuối năm 2022 sẽ có đất cho thuê.

**Câu hỏi 3 (Mã cổ đông: 831):** Đề nghị Ban tổ chức rút ngắn thời gian tổ chức đại hội, các báo cáo đã gửi cho Cổ đông đề nghị Ban tổ chức trình bày ngắn gọn.

**Trả lời:** Ban tổ chức đã cố gắng trình bày ngắn gọn, tuy nhiên các báo cáo có nhiều nội dung cần trình bày chi tiết cho các cổ đông được biết nên mất nhiều thời gian.

**Câu hỏi 4 (Mã cổ đông: 950):** Kỳ Đại hội trước có nhắc đến nghiên cứu Dự án KCN Âu Lâu – Yên Bái, nhưng trong báo cáo tại Đại hội lần này không đề cập tới.

**Trả lời:** Sau khi nghiên cứu về Dự án trên, nhận thấy KCN Âu Lâu không khả thi nên HĐQT quyết định không tiếp tục nghiên cứu đầu tư.

**Câu hỏi 5 (Mã cổ đông: 831):** Việc bầu thành viên độc lập HĐQT là tự ứng cử hay nhóm cổ đông đề xuất?

**Trả lời:** Việc bầu thành viên độc lập HĐQT được tiến hành theo trình tự quy định tại Luật doanh nghiệp 2020.

**Câu hỏi 6 (Mã cổ đông: 523):** Năm 2022 có phát hành cổ phiếu Esop không?

**Trả lời:** Năm 2022 không có Kế hoạch phát hành cổ phiếu Esop.

Ngoài các nội dung trên, Đoàn Chủ tịch đã tiếp thu, giải trình các ý kiến thảo luận của các cổ đông ngay tại đại hội.

#### IV. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT VÀ THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG:

**Nội dung 1:** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm tài chính 2021 (có báo cáo đính kèm) với các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

*Đvt: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021 /TH 2020	TH2021 /KH 2021
1	Tổng tài sản	1.260,88	1.500,00	1.408,77	11,73%	-6,08%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	327,52	211,35	219,29	-33,05%	3,76%
3	Lợi nhuận sau thuế	210,14	135,10	155,62	-25,94%	15,19%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11,785		8,267		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	35%	25%	25%		
	Bằng tiền	20%	5%	5%		
	Bằng cổ phiếu	15%	20%	20%		

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00 % tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00 % tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 2:** Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài chính 2022 của Ban Tổng giám đốc, cụ thể với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021 (bắt đầu từ 01/10/2020 kết thúc 30/9/2021).

*DVT: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021 /TH 2020	TH 2021 /KH 2021
1	Tổng tài sản	1.260,88	1.500,00	1.408,77	11,73%	-6,08%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	327,52	211,35	219,29	-33,05%	3,76%
3	Lợi nhuận sau thuế	210,14	135,10	155,62	-25,94%	15,19%

4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11,785		8,267	
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	35%	25%	25%	
	Bằng tiền	20%	5%	5%	
	Bằng cổ phiếu	15%	20%	20%	

2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài chính 2022 (bắt đầu từ 01/10/2021 kết thúc 30/9/2022) gồm các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2021	KH Năm 2022	% tăng/giảm KH2022 /TH2021
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.408,77	2.000 – 2.200	41,97% - 56,16%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	Tỷ đồng	219,29	280	27,68%
3	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	Tỷ đồng	155,62	180	15,67%
4	Mức chi trả cổ tức cho các cổ đông:	%	25	25	
	- Bằng tiền	%	5	5	
	- Bằng cổ phiếu	%	20	20	
5	Kinh phí hoạt động và thù lao HĐQT	Tỷ đồng	2,23	2,5	12%

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 17.170.136 cổ phần, chiếm 99,76% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không ý kiến: 40.727 cổ phần, chiếm 0,24% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.

**Nội dung 3:** Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2021 đã được kiểm toán tại ngày 30/9/2021.

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.

**Nội dung 4:** Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy Ban Kiểm toán.

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.

**Nội dung 5:** Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm tài chính 2022. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp nhất với điều kiện thực tế của Công ty.

Đại hội biểu quyết:

Tán thành: 17.170.136 cổ phần, chiếm 99,76% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;

*Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không ý kiến: 40.727 cổ phần, chiếm 0,24% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 6:** Thông qua Tờ trình về trích các Quỹ và mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021, mức dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022 cho các Quỹ và Cổ đông trong năm tài chính 2022.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.194.607 cổ phần, chiếm 99,91% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không ý kiến: 16.256 cổ phần, chiếm 0,09% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 7:** Thông qua mức kinh phí hoạt động của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT trong năm tài chính 2022.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00 % tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00 % tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 8:** Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện đầu tư theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.170.136 cổ phần, chiếm 99,76% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không ý kiến: 40.727 cổ phần, chiếm 0,24% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 9:** Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Hồng Đức – huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện đầu tư theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.170.136 cổ phần, chiếm 99,76% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không ý kiến: 40.727 cổ phần, chiếm 0,24% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 10:** Thông qua toàn văn Dự thảo Điều lệ sửa đổi, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.184.372 cổ phần, chiếm 99,85% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không ý kiến: 26.491 cổ phần, chiếm 0,15% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 11:** Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;  
Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 12:** Thông qua Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 13:** Thông qua Phương án Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm tài chính 2021.

Theo đó, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 14:** Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm tài chính 2022. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.*

**Nội dung 15:** Thông qua miễn nhiệm TV độc lập HĐQT (ông Phạm Văn Hoanh) và bầu bổ sung TV độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024.

Đại hội biểu quyết:

*Tán thành: 17.210.863 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội;*

*Không ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,00% tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội*

## **V. PHẦN BẦU CỬ BỔ SUNG TV ĐỘC LẬP HĐQT NHIỆM KỲ 2019-2024**

### **1. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024**

- Ông Nguyễn Mạnh Hà – Trưởng Ban bầu cử và kiểm phiếu đã trình bày Quy chế bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc. 100% cổ đông tham dự Đại hội đã thống nhất thông qua Quy chế nêu trên.

### **2. Giới thiệu và thông qua danh sách ứng viên**

- Ông Trịnh Việt Dũng – Chủ tịch đoàn đã công bố danh sách đề cử, ứng cử của các cổ đông 100% cổ đông tham dự Đại hội đã thống nhất thông qua danh sách ứng viên là: Bà Nguyễn Thùy Linh.

### **3. Đại hội tiến hành bầu cử**

### **4. Thông qua kết quả bầu cử**

- Ông Nguyễn Mạnh Hà - Trưởng Ban bầu cử và kiểm phiếu đã công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2024 như sau:

TT	Họ và tên	Số cổ phần được bầu	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Nguyễn Thùy Linh	17.169.464	99,76

- Sau khi nghe Trưởng Ban Bầu cử và kiểm phiếu trình bày kết quả bầu cử, thành viên trúng cử làm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 đã ra mắt Đại Hội.

## VI. CÁC NỘI DUNG PHÁT SINH NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH: KHÔNG

## VII. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên Bản này cùng với Nghị Quyết Đại hội được lập ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc kết thúc chương trình nghị sự.

Đại diện Ban Thư ký đã trình bày toàn văn Biên Bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để Đại Hội biểu quyết thông qua.

Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã tán thành với tỷ lệ 100% thông qua Biên Bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 gồm 08 trang, 05 bản chính, gửi báo cáo UBCK nhà nước 01 bản, gửi Sở GDCK Hà Nội 01 bản để công bố thông tin, 03 bản lưu tại Công ty.

Chủ tọa phiên họp và Trưởng Ban thư ký cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản này.

Chủ tọa phiên họp đã tuyên bố bế mạc Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 08/01/2022.

Đại hội đồng cổ đông kết thúc vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày./.

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Duy Hưng

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA



Trịnh Việt Dũng



Số 0801/2022/NQ-ĐHĐCĐ/IDV

Khai Quang, ngày 08 tháng 01 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC (VPID)**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty VPID;
- Căn cứ nội dung các Tờ trình và Báo cáo do Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ủy Ban kiểm toán trình bày đã được ĐHĐCĐ thường niên biểu quyết thông qua;
- Căn cứ các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/01/2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0801/2021/BB-ĐHĐCĐ/IDV ngày 08 tháng 01 năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc tổ chức tại trụ sở chính của Công ty - KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ngày 08 tháng 01 năm 2022 đã thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo hoạt động trong năm tài chính 2021 của Hội đồng quản trị, một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

*Đvt: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021 /TH 2020	TH 2021 /KH 2021
1	Tổng tài sản	1.260,88	1.500,00	1.408,77	11,73%	-6,08%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	327,52	211,35	219,29	-33,05%	3,76%
3	Lợi nhuận sau thuế	210,14	135,10	155,62	-25,94%	15,19%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11,785		8,267		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	35%	25%	25%		
	Bằng tiền	20%	5%	5%		
	Bằng cổ phiếu	15%	20%	20%		

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021 (bắt đầu từ 01/10/2020 kết thúc 30/9/2021) và Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài

chính 2022 ( bắt đầu từ 01/10/2021 đến 30/9/2022) của Ban Tổng giám đốc, cụ thể với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021 (bắt đầu từ 01/10/2020 kết thúc 30/9/2021).

DVT: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021 /TH 2020	TH 2021 /KH 2021
1	Tổng tài sản	1.260,88	1.500,00	1.408,77	11,73%	-6,08%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	327,52	211,35	219,29	-33,05%	3,76%
3	Lợi nhuận sau thuế	210,14	135,10	155,62	-25,94%	15,19%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11,785		8,267		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	35%	25%	25%		
	Bằng tiền	20%	5%	5%		
	Bằng cổ phiếu	15%	20%	20%		

2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài chính 2022 (bắt đầu 01/10/2021 kết thúc 30/9/2022) cụ thể các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính:

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2021	KH Năm 2022	% tăng/giảm KH2022 /TH2021
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.408,77	2.000 – 2.200	41,97% - 56,16%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	Tỷ đồng	219,29	280	27,68%
3	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	Tỷ đồng	155,62	180	15,67%
4	Mức chi trả cổ tức cho các cổ đông:	%	25	25	
	- Bằng tiền	%	5	5	
	- Bằng cổ phiếu	%	20	20	
5	Kinh phí hoạt động và thù lao HĐQT	Tỷ đồng	2,23	2,5	12%

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2021 đã được kiểm toán tại ngày 30/9/2021.

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy Ban Kiểm toán.

**Điều 5:** Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2022. Theo đó, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp nhất với điều kiện thực tế của Công ty.

**Điều 6:** Thông qua tờ trình về trích các quỹ và mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021, mức dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022 cho các Quỹ và Cổ đông trong năm tài chính 2022.

**Điều 7:** Thông qua Mức kinh phí hoạt động của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT trong năm tài chính 2022: mức kinh phí cho hoạt động của HĐQT, các Ủy Ban trực thuộc HĐQT trong năm tài chính 2022 là: 2.500.000.000 đồng (*Hai tỷ, năm trăm triệu đồng*). Cụ thể: Mức kinh phí hoạt động của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT là 2.397.800.000 đồng cộng với 102.200.000 đồng chưa sử dụng hết của năm trước (năm 2021) chuyển sang.

**Điều 8:** Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện đầu tư theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 9:** Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Hồng Đức – huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện đầu tư theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 10:** Thông qua Toàn văn Dự thảo Điều lệ sửa đổi, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Luật doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 11:** Thông qua Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh.

**Điều 12:** Thông qua Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

**Điều 13:** Thông qua Phương án Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm tài chính 2021. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 14:** Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm tài chính 2022. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 15:** Đại hội đã thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024 là Bà Nguyễn Thùy Linh.

**Điều 16: Điều khoản thi hành.**

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/01/2022.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện với Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2023.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- UBCKNN, Sở GDCKHN (B/c);
- TV. HĐQT, UBKT, Ban TGD (T/h);
- Lưu: VP HĐQT, HC.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2022 – IDV**



STT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Chương trình họp ĐHĐCĐ	
2	Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ	
3	Báo cáo hoạt động năm 2021 gồm:	
3.1	Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021	
3.2	Báo cáo hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2021	
3.3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 (tóm tắt)	
3.4	Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong UBKT	
4	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022	
5	Tờ trình về việc phê duyệt mức phân phối LNST năm tài chính 2021, mức dự kiến phân phối LNST năm tài chính 2022.	
6	Tờ trình về mức kinh phí hoạt động của HĐQT, các Ủy Ban trực thuộc HĐQT trong năm tài chính 2022	
7	Tờ trình về Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc	
8	Tờ trình về Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Hồng Đức – huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	
9	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	
9.1	Dự thảo, Thuyết minh Điều lệ	
9.2	Dự thảo, Thuyết minh Quy chế nội bộ về quản trị	
9.3	Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT	
10	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Ngành nghề kinh doanh	
11	Tờ trình về việc thông qua tỷ lệ sở hữu tối đa của cổ đông nước ngoài	
12	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	
13	Tờ trình về phương án chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu 2022	
14	Tờ trình miễn nhiệm TV độc lập và bầu bổ sung TV độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024	
15	Dự thảo Quy chế bầu cử bổ sung TV độc lập HĐQT thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024	
15.1	Phiếu đề cử, ứng cử; Mẫu SYLL	
15.2	Phiếu bầu cử TV độc lập HĐQT	
16	Phiếu biểu quyết	
17.1	Dự thảo Biên Bản ĐHĐCĐ 2022	
17.2	Dự thảo Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2022	

**Lưu ý:** Tất cả tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 được cập nhật trên ([website://www.vpid.vn](http://www.vpid.vn)). Quý cổ đông có thể tải các biểu mẫu và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2022 từ địa chỉ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT  
TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Thời gian:** Từ 8h30' đến 11h50' Thứ 7 ngày 08 tháng 01 năm 2022

**Địa điểm:** Trụ sở chính Công ty tại KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chủ trì</b>
7:30 đến 8:30	Đăng ký tham dự Đại hội	Ban tổ chức
	Đón tiếp và đăng ký đại biểu; lập danh sách cổ đông tham dự trực tiếp và đại diện được ủy quyền tham dự	
	Phát tài liệu cho cổ đông	
8:30 đến 8:45	Khai mạc Đại hội – Thông qua quy chế làm việc tại Đại hội Giới thiệu Đoàn Chủ tịch	Ban tổ chức
8:45 đến 8:50	Bầu Ban Thư Ký, Ban Bầu cử và kiểm phiếu Đại hội Thông qua chương trình của Đại hội	Ban tổ chức
8:50 đến 9:50	<b>HDQT, Ban TGD, Ủy Ban kiểm toán trình bày các báo cáo tại Đại hội:</b>	Đoàn Chủ tịch
	Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2021	CT.HDQT
	Báo cáo hoạt động của Ban TGD năm 2021 và Kế hoạch năm 2022	TGD
	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 (tóm tắt)	KTT
	Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HDQT trong Ủy Ban kiểm toán	UBKT
9:50 đến 10:10	Trình các Tờ trình và các nội dung cần thông qua để xin ý kiến biểu quyết của ĐHDCĐ	Đoàn chủ tịch
10:10 đến 10:25	Thảo luận và giải đáp các thắc mắc của cổ đông	Đoàn chủ tịch
10:25 đến 10:40	Xin ý kiến Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình	Đoàn chủ tịch
10:40 đến 11:00	Nghỉ giải lao	
11:00 đến 11:40	Thông qua danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên độc lập HDQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024	Đoàn chủ tịch
	Thông qua Quy chế bầu cử và tiến hành bầu cử	Ban Bầu cử và kiểm phiếu
	Kiểm phiếu bầu cử	Ban Bầu cử và kiểm phiếu
	Thông qua kết quả bầu cử, ra mắt TV độc lập HDQT nhiệm kỳ 2019-2024	Ban Bầu cử và kiểm phiếu
11:40 đến 11:50	Thông qua Biên Bản và Nghị quyết Đại Hội	Thư ký Đại hội
11:50	Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID).

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (“VPID”), đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) như sau:

**Điều 1: Đoàn chủ tịch:**

1. Số lượng, thành phần: Đoàn chủ tịch gồm Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy Ban kiểm toán và Tổng Giám đốc.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch.

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

3. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

**Điều 2: Ban thư ký Đại hội** (gồm 02 người) do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội thông qua. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

**Điều 3:** Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông đến dự Đại hội và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp được thực hiện theo Điều lệ Công ty. Đại hội chỉ được tiến hành khi số cổ đông tham dự hoặc đại diện được ủy quyền tham dự đạt ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết trên tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành.

**Điều 4: Ban Bầu cử và kiểm phiếu** gồm 03 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu, được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban Bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**Điều 5: Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.**

- Các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội cổ đông.



- Các Đại biểu, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban Tổ chức Đại hội. Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông khi ra ngoài hội trường phải xin phép Đoàn chủ tịch và thông báo cho Ban thư ký.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

**Điều 6: Phát biểu ý kiến trong Đại hội.**

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua Thư ký Đại hội) khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

**Điều 7: Biểu quyết:**

**1. Quy định chung về biểu quyết:**

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết.
- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền, dưới đây gọi chung là “Cổ đông” đến dự Đại hội sẽ được Ban Bầu cử và kiểm phiếu phát “Phiếu biểu quyết”, có ghi mã số của Cổ đông, số cổ phần mà Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu tròn của VPID.

**2. Cách thức biểu quyết:** Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết

Đối với mỗi nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết, Đoàn Chủ tịch sẽ hỏi ý kiến cổ đông/đại diện cổ đông về nội dung đó (theo thứ tự: Tán thành, Không Tán thành, Không có ý kiến), cổ đông/đại diện cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết.

Những cổ đông không giơ Phiếu biểu quyết trong cả 2 lần Đoàn Chủ tịch hỏi ý kiến về nội dung đó (theo thứ tự: Tán thành, Không Tán thành, Không có ý kiến) được xem là bỏ Phiếu trắng với nội dung đó.

**3. Thẻ lệ biểu quyết trong Đại hội:**

- 01 (một) cổ phiếu phổ thông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với 01 (một) phiếu biểu quyết. Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ phần đang lưu hành của VPID là 21.023.450 cổ phần (Hai mươi một triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi cổ phần) phổ thông đang lưu hành.

- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty (bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ): Đạt tỷ lệ tối thiểu **65%** tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đến dự họp chấp thuận.

- Thông qua các vấn đề khác: Đạt tỷ lệ tối thiểu **51%** tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đến dự họp chấp thuận.

**Điều 8:** Cổ đông, người Đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 146 của Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có thể sửa đổi tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch HĐQT và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua.





Số: 01/2022/BC-VPID

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021, KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông – Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Năm 2021, các quốc gia và nền kinh tế thế giới chứng kiến sự biến động mạnh mẽ do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Việt Nam là một trong số ít các nền kinh tế trên thế giới và khu vực duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP dương. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, sự hồi phục của kinh tế Việt Nam cho thấy những tiến bộ từ nội lực đến từ các cân đối vĩ mô được đảm bảo, lạm phát được kiểm chế, ổn định tỷ giá, dự trữ ngoại hối được cải thiện,...

Nền tảng vĩ mô được cải thiện đã giúp Việt Nam cạnh tranh được với các quốc gia khác trong việc giữ chân và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài. Thặng dư cán cân thương mại, cán cân vãng lai đã phản ánh cấu trúc nền kinh tế Việt Nam đang có sự chuyển biến tích cực. Cùng với việc tham gia, ký kết các hiệp định song phương, đa phương như RCEP, CPTTP,... sẽ giúp Việt Nam ngày càng gia tăng năng lực cạnh tranh và thu hút thêm dòng vốn đầu tư FDI, FII,...Điều này sẽ trực tiếp và gián tiếp hỗ trợ, tác động tới ngành bất động sản khu công nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) nói riêng.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin báo cáo đến toàn thể Quý vị cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ HĐKD năm 2021, kế hoạch HĐKD và các chương trình mục tiêu năm 2022 như sau:

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của toàn Công ty:**

*Đvt: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021 /TH 2020	TH 2021 /KH 2021
1	Tổng tài sản	1.260,88	1.500,00	1.408,77	11,73%	-6,08%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	327,52	211,35	219,29	-33,05%	3,76%
3	Lợi nhuận sau thuế	210,14	135,10	155,62	-25,94%	15,19%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11,785		8,267		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	35%	25%	25%		
	Bằng tiền	20%	5%	5%		
	Bằng cổ phiếu	15%	20%	20%		

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán)

❖ Kết thúc năm 2021, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt và vượt kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đặt ra.

❖ Đánh giá việc quản lý, vận hành và đầu tư của Công ty:

- Về quản lý, vận hành KCN: Công ty đã chủ động, linh hoạt trong việc điều hành, vận hành tốt hệ thống hạ tầng nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phục vụ tốt các doanh nghiệp tại 2 KCN (Khai Quang và Châu Sơn).

- Đầu tư: Công ty tiếp tục tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng tại 2 KCN (Khai Quang và Châu Sơn), triển khai dự án nhà xưởng cho thuê, đồng thời triển khai các thủ tục pháp lý và đền bù GPMB tại KCN Sông Lô II – tỉnh Vĩnh Phúc và CCN Hồng Đức – tỉnh Hải Dương. Cụ thể:

+ Dự án xây dựng nhà xưởng cho thuê tại KCN Châu Sơn mở rộng – tỉnh Hà Nam: do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, dòng đầu tư giảm mạnh, cùng với việc giá cả vật liệu xây dựng tăng cao, Công ty đã điều chỉnh kế hoạch đầu tư nhà xưởng theo hình thức cuốn chiếu nhằm đảm bảo nguồn tiền sử dụng có hiệu quả. Hiện tại đã hoàn thiện NX số 4 và NX số 5.

+ Dự án KCN Sông Lô II – tỉnh Vĩnh Phúc: ngày 23/02/2021 được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương dự án đầu tư; ngày 30/03/2021 được BQL các KCN tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCN đăng ký đầu tư. Công ty đã triển khai hoàn thiện: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, rà phá bom mìn, khảo sát địa hình địa chất; đang thực hiện: điều chỉnh QHCT 1/500, đo đạc bản đồ thu hồi đất, thiết kế cơ sở, bản vẽ thi công hạ tầng.

+ Dự án CCN Hồng Đức – tỉnh Hải Dương: ngày 09/05/2021 được UBND tỉnh Hải Dương ra quyết định thành lập CCN Hồng Đức, trong đó nêu rõ Công ty là Chủ đầu tư CCN này. Công ty đã triển khai hoàn thiện: phối hợp với các Sở, ban ngành địa phương cập nhật bổ sung đất CCN vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ninh Giang (Diện tích đủ 75 ha theo Quyết định thành lập CCN Ninh Giang); đang thực hiện: lập QHCT 1/500.

+ Dự án KCN tại tỉnh Hà Nam: đã góp 2 tỷ đồng trên tổng số 20% vốn điều lệ của Công ty CP đầu tư phát triển VL mà Công ty cam kết góp.

+ Dự án Làng Đá Bạc – Phú Thành: Hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 1.588.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Phú Thành với giá 15.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị Quyết HĐQT số 1005.1/2021/NQ-HĐQT/IDV ngày 10/05/2021, đóng góp lợi nhuận 7,9 tỷ đồng vào doanh thu tài chính cho Công ty.

- Công tác quản lý đầu tư: với các dự án đã đầu tư góp vốn (Đồng Văn III, Thủy điện Trung Thu, ...), Công ty luôn bám sát theo dõi, quản lý và phát huy vai trò của nhà đầu tư tại các dự án liên doanh này. Cụ thể:

+ Công ty CP thủy điện Trung Thu: VPID đầu tư 38,128 tỷ đồng, sở hữu 13,78% vốn điều lệ. Trong năm, VPID đã nhận được cổ tức được chia, số tiền là 8,80 tỷ đồng.

+ Công ty CP Đồng Văn III: VPID đầu tư 92,73 tỷ đồng, sở hữu 20% vốn điều lệ. Trong năm, VPID đã nhận được cổ tức được chia, số tiền là 25,11 tỷ đồng.

+ Công ty CP Trung Anh (đã đầu tư 36 tỷ đồng, sở hữu 15% vốn điều lệ), Công ty CP đầu tư phát triển VL (đã đầu tư 2 tỷ đồng, sở hữu 20% vốn điều lệ), Công ty CP

Đầu tư hạ tầng KCN Hoa Sen Du Long (đã đầu tư 20,3 tỷ đồng, sở hữu 10% vốn điều lệ): các dự án này đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có thu.

## **2. Hoạt động của HĐQT**

- Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã tổ chức thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo Ban điều hành và đưa ra các nghị quyết, quyết định để Ban điều hành thực hiện.

- HĐQT đã thực hiện vai trò định hướng chiến lược trong tất cả các mặt hoạt động của Công ty đặc biệt là định hướng chiến lược về hoạt động đầu tư và định hướng chiến lược về nhân sự, bổ nhiệm đội ngũ lãnh đạo kế cận. Trong năm 2021, HĐQT đã bổ nhiệm Ông Phạm Trung Kiên làm Quyền Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2021 và chính thức bổ nhiệm Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/07/2021, thay thế Ông Lê Tùng Sơn.

- HĐQT đã duy trì tổ chức họp thường kỳ hàng quý và cuộc họp bất thường khi có sự việc phát sinh yêu cầu HĐQT cần phải tổ chức họp. Trong năm tài chính 2021, HĐQT đã tổ chức 24 phiên họp HĐQT (bao gồm: 12 phiên họp trực tiếp, 12 phiên họp trực tuyến). Căn cứ kết quả các cuộc họp, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các Nghị quyết và Quyết định kèm theo.

+ Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đúng trình tự đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao. Các vấn đề quan trọng và có liên quan đến các đơn vị trong Công ty, HĐQT mời trường các đơn vị này tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu, tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.

+ HĐQT đã bố trí tối thiểu 01 thành viên tham gia đầy đủ các buổi họp giao ban của Ban điều hành hàng tháng để nắm bắt tình hình công việc đã thực hiện tháng trước và định hướng các công việc cho tháng tiếp theo.

+ HĐQT cũng giám sát các công việc triển khai của Ban điều hành hàng tuần thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần gửi cho các thành viên HĐQT để có ý kiến đóng góp cho kế hoạch thực hiện (nếu thấy cần thiết).

## **3. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

- Năm 2021, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của nhiều doanh nghiệp trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, khiến nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái. Cùng với đó, do dịch bệnh diễn biến phức tạp, yêu cầu giãn cách xã hội,... đã ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng mặt bằng, từ đó ảnh hưởng tới quá trình đầu tư, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng của Công ty. Nhưng do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản khu công nghiệp – nhóm ngành ít bị ảnh hưởng cùng với lợi thế về kinh nghiệm thực tiễn, lợi thế về vốn,... đã giúp Công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ đặt ra.

## **4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

- Nhìn lại năm tài chính 2021, mặc dù các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng, cho thuê đất. Nhưng Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều cố gắng, với những kinh

nghiệm thực tiễn và lợi thế về tiềm lực tài chính đã giúp công ty hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận do ĐHCĐ đề ra.

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

### 1. Kế hoạch HĐKD năm 2022

#### 1.1 Mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cụ thể:

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021 và đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2022 và những năm tiếp theo xác định vẫn còn nhiều khó khăn. Đối với Công ty, đang có lợi thế rất lớn: Bộ máy quản trị, điều hành ổn định, dày dặn kinh nghiệm, nguồn vốn tiền mặt dự trữ ngày một tăng, dòng tiền thu ổn định. HĐQT định hướng mở rộng phát triển các dự án mới trong năm 2022 và những năm tới, cụ thể:

- Duy trì thành quả đã đạt được, phát huy năng lực nội tại, nắm bắt cơ hội đầu tư mở rộng đa lĩnh vực (ưu tiên lĩnh vực kinh doanh lõi) đạt hiệu quả ổn định để phát triển theo xu hướng bền vững.
- Duy trì hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ và các công ty thành viên, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào KCN Khai Quang, KCN Châu Sơn, KCN Sông Lô II.
- Nghiên cứu các dự án tiềm năng tại các tỉnh.
- Tiếp tục cải tiến nâng tầm bộ máy quản trị, điều hành đặc biệt về quản trị nhân lực, tiếp tục nghiên cứu cải thiện chế độ tiền lương phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế.
- Điều chỉnh phân bổ, tối ưu cơ cấu nguồn vốn hiện có.
- Đảm bảo nguồn để chi trả cổ tức cho các cổ đông đều đặn trong những năm tiếp theo.

Sau khi xem xét mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021, HĐQT thống nhất đề xuất trình ĐHCĐ phê duyệt các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chủ yếu năm 2022 của Công ty như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2021	KH năm 2022	% tăng/giảm KH2022 /TH2021
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.408,77	2.000 - 2.200	41,97% - 56,16%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	Tỷ đồng	219,29	280	27,68%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	155,62	180	15,67%
4	Mức chi trả cổ tức cho các cổ đông:	%	25	25	
	- Bằng tiền	%	5	5	
	- Bằng cổ phiếu	%	20	20	
5	Kinh phí hoạt động và thù lao HĐQT năm 2022	Tỷ đồng	2,23	2,5	12%

#### 1.2 Định hướng chiến lược phát triển:

- Tập trung đẩy mạnh triển khai dự án KCN Sông Lô II và CCN Hồng Đức nhằm tạo ra quỹ đất mới để cho thuê, tạo nguồn thu gối đầu cho các năm tiếp theo.
- Hoàn thiện đầu tư hạ tầng và tập trung cho thuê lại đất KCN Khai Quang.
- Đầu tư nhà xưởng tại KCN Khai Quang.
- Hoàn thiện đầu tư hạ tầng, tập trung cho thuê lại đất và cho thuê nhà xưởng tại KCN Châu Sơn.
- Tìm kiếm thêm một vài KCN mới nhằm tạo quỹ đất cho thuê những năm về sau.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác đem lại lợi nhuận ổn định để khai thác nguồn vốn dự trữ tạo nguồn chi trả cổ tức bằng tiền hàng năm ổn định.
- Quản lý, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết.
- Bổ sung đội ngũ lãnh đạo trẻ có trình độ, năng lực để phát triển Công ty.

## 2. Biện pháp tổ chức thực hiện

Để phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại trong thời gian qua, HĐQT Công ty đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng định hướng, giám sát hoạt động với Ban điều hành và các mặt hoạt động khác của Công ty.
- HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và những năm tiếp theo.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động tại các KCN hiện hữu.
- Tập trung triển khai thực hiện các công việc tiếp theo của dự án đầu tư KCN Sông Lô II và CCN Hồng Đức.
- Quản lý, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào các dự án, công ty liên doanh, liên kết.
- Hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản lý phù hợp với sự phát triển, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021, nhiệm vụ hoạt động kinh doanh năm 2022, Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét và thông qua.

Trân trọng báo cáo!

### Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

CỘNG TY  
CƠ PHÂN  
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG  
VĨNH PHÚC  
TP. VINH YÊN T. VINH PHÚC

*Trịnh Việt Dũng*

**Trịnh Việt Dũng**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021**

Năm 2021 là một năm của những khó khăn và thách thức lớn về kinh tế, thương mại của tất cả các quốc gia trên Thế giới, trong đó có Việt Nam, do sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu. Tuy nhiên, với những định hướng đúng đắn, cùng sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, sát sao của lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết, gắn bó, quyết tâm cao của tập thể CBCNV toàn Công ty, kết quả Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 được ĐHĐCĐ giao, thể hiện qua số liệu và đánh giá cụ thể như sau:

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của toàn Công ty:**

*ĐVT: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		% tăng/giảm	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021 /TH 2020	TH2021 /KH 2021
1	Tổng tài sản	1.260,88	1.500,00	1.408,77	11,73%	-6,08%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	327,52	211,35	219,29	-33,05%	3,76%
3	Lợi nhuận sau thuế	210,14	135,10	155,62	-25,94%	15,19%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	11,785		8,267		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	35%	25%	25%		
	Bằng tiền	20%	5%	5%		
	Bằng cổ phiếu	15%	20%	20%		

*(Nguồn: BCTC hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán)*

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 155,62 tỷ đồng, tăng 15,19% so với kế hoạch. Nguồn thu chủ yếu đến từ lĩnh vực kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN – đây là kết quả nổi bật, khẳng định hướng đi đúng đắn của Công ty, tạo nguồn lực cần thiết để đầu tư mở rộng, đảm bảo tốc độ tăng trưởng và phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh các lĩnh vực của Công ty**

**2.1 Lĩnh vực đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN**

Năm 2021 đã cho thuê 4,5 ha, cộng dồn lũy kế đến ngày 30/09/2021 đã cho thuê 248,4 ha đất công nghiệp, đạt tỷ lệ lấp đầy 87,5%. Trong đó tỷ lệ lấp đầy tại KCN Khai Quang là 92,3%; tại KCN Châu Sơn là 81,1%.

- Tập trung nâng cao chất lượng, tối ưu hiệu quả hoạt động của công tác quản lý vận hành tại các KCN Công ty đang đầu tư.
- Trong năm 2021, Công ty đã được giao làm Chủ đầu tư KCN Sông Lô II (~166ha) – tỉnh Vĩnh Phúc và CCN Hồng Đức (75ha) – tỉnh Hải Dương.

## 2.2 Lĩnh vực môi trường (XLNT, giám sát môi trường)

Thường xuyên lấy mẫu nước thải để kiểm tra, phân tích và đánh giá; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nước thải đầu ra của các doanh nghiệp, từ đó đưa ra phương án vận hành phù hợp tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra theo quy định của pháp luật.

## 2.3 Lĩnh vực đầu tư góp vốn, công ty liên doanh, liên kết:

*DVT: tỷ đồng*

Stt	Tên doanh nghiệp	Số tiền đã đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)	Báo cáo tài chính		Ghi chú (Thời điểm cấp số liệu)
				TTS	LNST	
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	38,12	13,78	723,3	53,4	30/09/2021
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	92,73	20	1.499,93	175,166	30/09/2021
3	Công ty Cổ phần Trung Anh	36	15	132,13	-8,18	30/09/2021
4	Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển VL	2	20	10	0	30/09/2021
5	Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN Hoa Sen Du Long	20,3	10			
<b>Tổng:</b>		<b>189,158</b>				

## 2.4 Các lĩnh vực đầu tư khác

### 2.4.1 Đầu tư cổ phiếu:

Stt	Mã CK	Số lượng	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ/CP	Giá trị đầu tư ban đầu (VNĐ)	Giá thị trường VNĐ/CP (30/9/21)	Giá trị thị trường (VNĐ)
1	DC4	778.149	2,32%	4.741	3.688.912.436	14.800	11.516.605.200
2	L18	4.441.390	11,65%	8.712	38.693.375.560	47.500	210.966.025.000
3	L43	346.400	9,90%	5.654	1.958.627.885	5.100	1.766.640.000
<b>Tổng</b>		<b>5.565.939</b>			<b>44.340.915.881</b>		<b>224.249.270.200</b>

### 2.4.2 Đầu tư trái phiếu, chứng chỉ quỹ:

Đầu tư trái phiếu: tính đến ngày 30/09/2021 tổng giá trị đầu tư là 10 tỷ đồng.

### 2.4.3 Đầu tư khác:

Hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 1.588.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Phú Thành với giá 15.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị Quyết HĐQT số 1005.1/2021/NQ-HĐQT/IDV ngày 10/05/2021, đóng góp 7,9 tỷ đồng tiền lãi vào doanh thu tài chính cho Công ty.

## 3. Hoạt động quản lý, điều hành

### 3.1 Công tác quản trị và cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tăng vốn điều lệ từ 183.513.510.000 đồng lên thành 210.234.500.000 đồng (tăng 26.720.990.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông tỷ lệ 15%. Theo đó, tổng số cổ phần đang lưu hành: 21.023.307 cổ phiếu, tăng 2.671.956 cổ phiếu so với đầu năm 2021; Số lượng cổ phiếu quỹ là 143 cổ phiếu<sup>1</sup> (*cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình phát hành trả cổ tức*).

- Hoàn thành phân phối 537.300 cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu; 810.000 cổ phiếu ESOP 2021 và thay đổi điều kiện nhận cổ phiếu ESOP. Cụ thể:

+ Về nội dung Tờ trình về việc phê duyệt sử dụng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBCNV (ESOP 2021) được ĐHCĐ 2021 thông qua ngày 19/12/2020 không quy định thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu ESOP.

+ Do có sự thay đổi trong quy định của pháp luật (Khoản 8 Điều 64 Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và để đáp ứng tính tuân thủ theo quy định mới, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết Nghị thay đổi phương án của Tờ trình ESOP 2021 về điều kiện chuyển nhượng cổ phiếu ESOP từ “*Không bị hạn chế chuyển nhượng*” sang “*Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.*”

- Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô do VPID sở hữu, với lĩnh vực ngành nghề chính là thi công xây dựng hạ tầng.

- Thành lập Ban quản lý dự án KCN Sông Lô II để quản lý, vận hành dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Lô II.

- Nghiên cứu, điều chỉnh các quy chế quản trị nội bộ phù hợp với quy định pháp luật mới.

### 3.2 Công tác thu hút đầu tư

- Tính đến nay, Công ty đã được giao làm chủ đầu tư hạ tầng 03 KCN và 01 CCN, với tổng diện tích gần 631 ha; đã thu hút đầu tư 90 DN (Trong đó FDI: 73 DN, trong nước: 17 DN).

- Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt là đền bù GPMB, thi công hạ tầng đồng bộ để đáp ứng yêu cầu đất sạch cho công tác kinh doanh.

- Chủ động liên hệ với các đối tác đã làm việc và tiếp xúc để hỗ trợ đầu tư, tập trung vào các doanh nghiệp đã đến tìm hiểu, tạo cơ chế thu hút; phối kết hợp với các đơn vị tư vấn, các cơ quan chức năng trong việc thu hút đầu tư.

- Hoàn thiện việc xây dựng website mới, thúc đẩy quá trình quảng bá thương hiệu của Công ty trên website.

### 3.3 Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chế độ lao động

- Nhân sự:

+ Đã tuyển dụng bổ sung thêm nguồn nhân sự có chất lượng, đồng thời đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn đối với đội ngũ CBCNV hiện tại.

+ Tổng số CBCNV tính đến ngày 30/09/2021 của toàn Công ty là: 78 người trong đó của các đơn vị trực thuộc là 20 người.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để CBCNV tham gia các khóa học ngắn hạn được giảng dạy bởi các chuyên gia nhằm nâng cao chuyên môn.

- Tổ chức tốt các hoạt động tập thể, chăm lo đời sống CBCNV (thăm hỏi hiếu, hi, ốm đau...).

<sup>1</sup>Ngày 22/11/2021 Công ty đã hoàn thành việc bán (143) cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.



#### **4. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

##### a/ Ưu điểm:

- Về công tác quản lý điều hành Công ty: Năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Về công tác phối hợp với các bộ phận trong công ty: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc hoạt động thường xuyên và gắn kết hơn: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành; Chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc duy trì giao ban một lần/tháng để đánh giá công việc đã thực hiện trong tháng, kế hoạch thực hiện tháng tiếp theo nhằm thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Trong năm, Công ty đã được Thủ tướng chính phủ giao làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; được UBND tỉnh Hải Dương giao làm chủ đầu tư, thành lập CCN Hồng Đức - huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Đây cũng là năm bản lề, tạo tiền đề cho bước tăng trưởng mới của VPID cho giai đoạn 2022-2025 và những năm về sau.

- Tại KCN Khai Quang: Vận hành tốt hệ thống hạ tầng phục vụ doanh nghiệp, giám sát công tác bảo vệ môi trường trong KCN, tiếp tục cho thuê những diện tích đất đã được giao.

- Tại KCN Châu Sơn: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng đối với những phần diện tích đã được giao (vị trí cũ và vị trí mở rộng), tích cực trong công tác cho thuê đất trong điều kiện gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

- KCN Sông Lô II, CCN Hồng Đức: Triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng KCN, CCN mới.

- Kết quả kinh doanh năm 2021 Công ty đã đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra. Thực hiện chi trả cổ tức của năm 2020 với tỷ lệ 35% (15% cổ phiếu và 20% bằng tiền).

- Trong năm, nhân sự của Công ty đã được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiệt huyết và năng lực cùng với cam kết gắn bó với sự phát triển của Công ty.

##### b/ Nhược điểm:

- Triển khai chậm một số chỉ tiêu theo kế hoạch của năm như giải phóng mặt bằng, thủ tục pháp lý điều chỉnh mở rộng KCN lần 07.

- Thiết kế thẩm duyệt hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN còn gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

## **II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022**

### **1. Mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cụ thể**

Công ty tiếp tục tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi là cho thuê lại đất và nhà xưởng tại KCN. Một số mục tiêu chính của Công ty trong năm 2022 như sau:

- Tăng cường thu hút đầu tư tại KCN Khai Quang, KCN Châu Sơn, KCN Sông Lô II.

- Dự án KCN Khai Quang: Điều chỉnh QH lần 7, điều chỉnh GCN ĐKĐT, đầu tư nhà xưởng cho thuê, điều chỉnh ĐTM KCN, đền bù GPMB, đầu tư hạ tầng hoàn thiện.

- Dự án KCN Châu Sơn: đền bù GPMB, xin giao đất, ký hợp đồng thuê đất, đầu tư hạ tầng; tiếp tục đầu tư nhà xưởng cho thuê.

- Dự án KCN Sông Lô II: tập trung triển khai các thủ tục pháp lý như: Điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với quy định mới nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất, đền bù

GPMB, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công, thẩm định thiết kế cơ sở, xin giao đất, ký hợp đồng thuê đất, đầu tư hạ tầng, .....

- Dự án CCN Hồng Đức: tập trung triển khai các thủ tục pháp lý bao gồm: Thành lập pháp nhân để vận hành và quản lý, hoàn thiện QHCT 1/500, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công, đền bù GPMB,...

- Dự án KCN tại tỉnh Hà Nam: Phối hợp cùng với đối tác triển khai các thủ tục pháp lý để hoàn thiện hồ sơ làm chủ đầu tư KCN và triển khai các bước tiếp theo.

- Quản lý, nâng cao hiệu quả các dự án công ty đã góp vốn đầu tư.

- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên.

## 2. Các chỉ tiêu chính

*ĐVT: tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2021	KH Năm 2022	% tăng/giảm KH2022 /TH2021
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.408,77	2.000 - 2.200	41,97% - 56,16%
2	Tổng doanh thu (DT thuần + lãi/ lỗ trong liên doanh liên kết + DT tài chính + Thu nhập khác)	Tỷ đồng	219,29	280	27,68%
3	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	Tỷ đồng	155,62	180	15,67%
4	Mức chi trả cổ tức cho các cổ đông:	%	25	25	
	- Bằng tiền	%	5	5	
	- Bằng cổ phiếu	%	20	20	
5	Kinh phí hoạt động và thù lao HĐQT	Tỷ đồng	2,23	2,5	12%

## 3. Kế hoạch hoạt động kinh doanh các lĩnh vực của Công ty

### 3.1 Lĩnh vực đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, CCN

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các KCN, CCN đang triển khai như: KCN Khai Quang – tỉnh Vĩnh Phúc, KCN Châu Sơn – tỉnh Hà Nam, KCN Sông Lô II – tỉnh Vĩnh Phúc, CCN Hồng Đức – tỉnh Hải Dương.

- Tìm kiếm thêm một vài KCN mới nhằm tạo quỹ đất cho thuê những năm về sau.

### 3.2 Lĩnh vực môi trường (XLNT, giám sát môi trường):

Tăng cường hơn nữa trong công tác giám sát chất lượng nước thải đầu vào, nghiên cứu và áp dụng các phương pháp vận hành tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.

### 3.3 Lĩnh vực đầu tư góp vốn, liên doanh, liên kết:

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, hoạt động tại các đơn vị liên doanh, liên kết.

## 4. Các giải pháp trọng tâm trong điều hành

### 4.1 Nâng cao năng lực quản trị và nguồn vốn chủ sở hữu

- Tăng vốn điều lệ từ 210.234.500.000 đồng lên thành 315.351.750.000 đồng (tăng 105.117.250.000 đồng) bằng hình thức: (1) phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (20%) cho cổ đông hiện hữu (4.204.690 cổ phiếu, tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:

42.046.900.000 đồng) và (2) chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 (6.307.035 cổ phiếu, tương đương tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 63.070.350.000 đồng)<sup>2</sup>.

- Thành lập 01 công ty con do VPID sở hữu tại tỉnh Hải Dương để quản lý, vận hành dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Hồng Đức.

- Nghiên cứu hình thức sáp nhập và mua lại (M&A) doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện năng nhằm cung cấp dịch vụ điện trong KCN.

- Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp với quy định pháp luật mới.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, hoạt động tại các đơn vị trực thuộc, công ty liên doanh, liên kết.

#### **4.2 Giải pháp trong công tác thu hút đầu tư**

- Tăng cường và chủ động hơn trong công tác phối kết hợp giữa Công ty với các đơn vị tư vấn, các tổ chức/hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài và trong nước, các cơ quan chức năng trong việc thu hút đầu tư.

- Tiếp tục tìm các nhà đầu tư mới qua các kênh khác nhau.

- Xây dựng chính sách riêng biệt cho khách hàng lớn.

#### **4.3 Công tác tài chính**

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, thu hồi công nợ và làm việc với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng để đảm bảo cung cấp đủ nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và chuẩn bị nguồn vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm của Công ty.

#### **4.4 Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chế độ lao động**

- Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc tốt, gia tăng phúc lợi và tạo thành thế mạnh của Công ty trong việc giữ chân và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng.

- Năm 2022, hoạt động kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN sẽ cạnh tranh khốc liệt và tiếp tục gặp khó khăn bởi diễn biến phức tạp về tình hình dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu hiện nay. Toàn thể CBCNV Công ty và các đơn vị trực thuộc quyết tâm đoàn kết, nỗ lực, tập trung thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Triển khai các giải pháp trọng tâm, phù hợp và linh hoạt, phát huy hết các lợi thế và tiềm năng sẵn có của Công ty để hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Trân trọng báo cáo!

#### **Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**T/M BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



<sup>2</sup>Chi tiết xem tại Tờ trình số 08/2022/TTr-HĐQT; 09/2022/TTr-HĐQT ngày 08/01/2022 kèm theo tài liệu họp ĐHĐCĐ 2022.

## PHU LUC

**Bảng 1: Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu 2019-2021**

Đvt: tỷ đồng



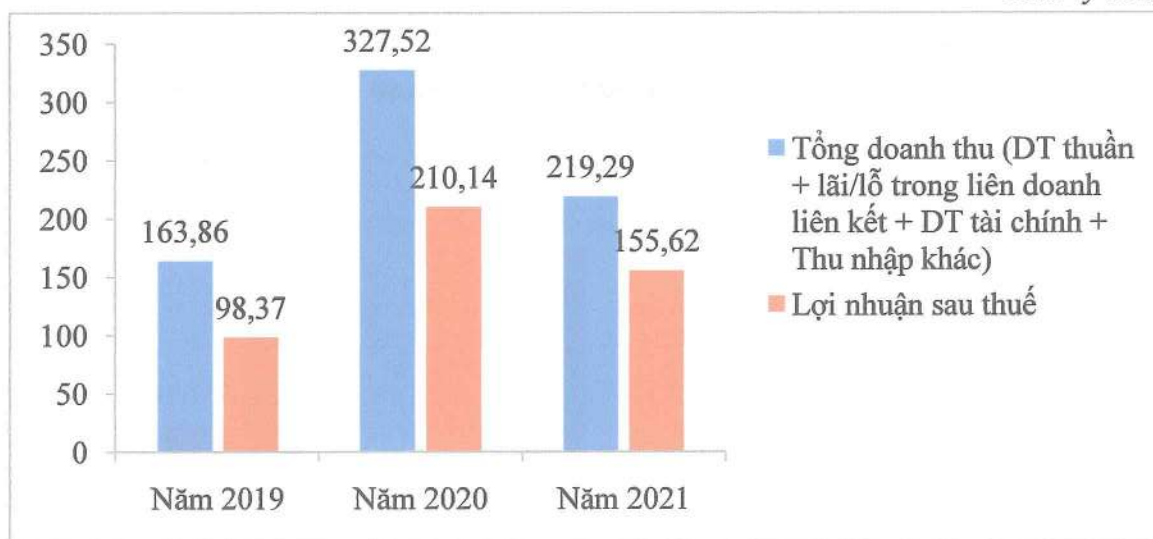
**Bảng 2: Cơ cấu doanh thu hợp nhất theo lĩnh vực hoạt động chính**

Đvt: tỷ đồng



**Bảng 3: Biểu đồ Tổng doanh thu, lợi nhuận sau thuế hợp nhất (2019 – 2021)**

Đvt: tỷ đồng

**Bảng 4: Các KCN hiện Công ty làm chủ đầu tư hạ tầng (tính đến 30/09/2021)**

Đvt: ha

Stt	Nội dung	KCN Khai Quang (Vĩnh Phúc)	KCN Châu Sơn (Hà Nam)	KCN Sông Lô II (Vĩnh Phúc)	CCN Hồng Đức (Hải Dương)	Tổng cộng
1	Năm thành lập	2003	2006	2021	2021	
2	Tổng diện tích KCN	221,46	169,18	165,65	75	631,29
3	Tổng diện tích đất công nghiệp	163,45	120,30	120,54	53,25	457,54
4	Tổng diện tích đất đã cho thuê lũy kế đến 30/9/2021	150,87	97,52			248,39
5	Tỷ lệ lấp đầy	92,3%	81,1%			87,5%

Ghi chú: Diện tích đất công nghiệp còn lại tại KCN Khai Quang là 12,6ha; KCN Châu Sơn là 22,8ha.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021**  
**(Trích từ BCTC đã được kiểm toán – hợp nhất)**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2021</b>	<b>01/10/2020</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>588.089.701.857</b>	<b>582.447.008.299</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>22.252.350.571</b>	<b>6.231.164.072</b>
1. Tiền	111		15.752.350.571	3.231.164.072
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	3.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>462.050.351.970</b>	<b>461.114.646.692</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.647.552.837	6.444.825.615
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(88.067.885)	(884.787.885)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		456.490.867.018	455.554.608.962
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63.352.519.023</b>	<b>38.923.334.561</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.531.532.484	10.011.010.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.376.638.133	6.094.942.462
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	0	11.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	15.444.348.406	14.252.997.999
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		0	(2.935.616.266)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>39.375.606.507</b>	<b>71.424.254.946</b>
1. Hàng tồn kho	141		39.375.606.507	71.424.254.946
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.058.873.786</b>	<b>4.753.608.028</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	43.857.341	163.529.096
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.015.016.445	4.590.078.932
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>820.678.004.776</b>	<b>678.435.436.542</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>187.978.445.542</b>	<b>188.753.110.855</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	80.886.000.000	73.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	107.092.445.542	115.553.110.855
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78.068.267.482</b>	<b>84.251.147.444</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	78.068.267.482	84.251.147.444
- Nguyên giá	222		135.323.659.043	129.971.974.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.255.391.561)	(45.720.827.089)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>78.156.928.553</b>	<b>38.567.410.179</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		78.156.928.553	38.567.410.179
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>342.727.659.272</b>	<b>238.438.091.717</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		149.984.962.841	166.081.884.987
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		133.121.725.560	70.494.775.560
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.229.029.129)	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		60.850.000.000	1.861.431.170
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>133.746.703.927</b>	<b>128.425.676.347</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	132.666.010.479	127.327.754.328
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.080.693.448	1.097.922.019
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.408.767.706.633</b>	<b>1.260.882.444.841</b>



NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết t minh	30/09/2021	01/10/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>857.467.141.072</b>	<b>837.129.715.222</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>135.891.401.239</b>	<b>135.956.965.229</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311 V.11	710.078.778	1.979.662.739
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.12a	3.422.545.625	7.396.158.175
4. Phải trả người lao động	314	1.931.006.644	1.179.126.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.13	63.245.957.010	65.688.068.720
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 V.14.a	25.283.979.920	24.487.304.122
7. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.15	14.320.018.891	14.844.103.515
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.16.a	10.600.000.000	4.600.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	775.138.987	590.382.011
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15.602.675.384	15.192.159.467
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>721.575.739.833</b>	<b>701.172.749.993</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336 V.14.b	702.726.348.833	677.723.358.993
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 V.16.b	18.849.391.000	23.449.391.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>551.300.565.561</b>	<b>423.752.729.619</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 V.17</b>	<b>551.300.565.561</b>	<b>423.752.729.619</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	210.234.500.000	183.513.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	210.234.500.000	183.513.510.000
2. Cổ phiếu quỹ	415	(1.430.000)	(18.637.508.838)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	45.540.148.428	32.894.059.347
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	293.922.624.045	224.246.316.218
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	205.133.878.590	133.058.049.216
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	88.788.745.455	91.188.267.002
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.604.723.088	1.736.352.892
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.408.767.706.633</b>	<b>1.260.882.444.841</b>

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 10 năm 2021





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.917.840.262	220.409.914.409
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	120.917.840.262	220.409.914.409
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	37.656.376.659	70.128.816.718
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>83.261.463.603</b>	<b>150.281.097.691</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	61.771.292.708	41.267.832.377
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	(811.928.570)	718.129.163
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		755.669.182	563.926.574
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		34.977.023.259	64.873.104.354
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	616.773.848	4.757.347.754
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	13.247.782.796	17.286.343.164
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>166.957.151.496</b>	<b>233.660.214.341</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.631.509.289	976.187.147
12. Chi phí khác	32	VI.8	115.719.908	1.048.369.496
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.515.789.381</b>	<b>(72.182.349)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>168.472.940.877</b>	<b>233.588.031.992</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	12.834.093.416	24.502.619.300
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	17.858.781	(1.056.589.142)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>155.620.988.680</b>	<b>210.142.001.834</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		155.752.618.484	210.288.648.942
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(131.629.804)	(146.647.108)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	8.267	11.785

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 10 năm 2021



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT  
TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2021, KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Phát triển  
hạ tầng Vĩnh Phúc

**I. Thành phần Ủy ban Kiểm toán**

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là cơ quan trực thuộc HĐQT gồm có 02 thành viên hoạt động năm đầu tiên theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và đảm nhận thêm nhiệm vụ Kiểm toán nội bộ (KTNB) do HĐQT giao.

Danh sách các thành viên của UBKT:

Stt	Họ và tên	Chức vụ tại công ty
1	Phạm Văn Hoanh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ nhiệm UBKT
2	Phạm Hữu Ánh	Thành viên HĐQT độc lập, Phó chủ nhiệm UBKT

**II. Hoạt động của UBKT trong năm 2021**

**1. Các cuộc họp trong năm 2021 của UBKT**

Trong năm UBKT đã tổ chức họp 4 lần, trong đó có 02 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp trực tuyến do tình hình dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng trong cả nước. Nội dung các đánh giá, kiến nghị được thể hiện chi tiết trong các nội dung được báo cáo sau đây.

**2. Đánh giá chung các hoạt động của UBKT**

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 phê chuẩn, UBKT đã trình kế hoạch hoạt động 2021 và được HĐQT thông qua thực hiện gồm:

**2.1** Xây dựng, trình phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động của UBKT và chức năng KTNB của Công ty. Phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên UBKT và người phụ trách KTNB của Công ty, xây dựng chương trình kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch được phê duyệt của HĐQT Công ty.

**2.2** Tổ chức triển khai thực hiện các chức năng nhiệm vụ của UBKT và KTNB theo đúng quy định pháp luật nhà nước, Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty.

**3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBKT trong năm 2021**

**3.1 Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của công ty**

- UBKT đã thực hiện giám sát, thẩm định các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm trước khi Ban Điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố thông tin theo quy định:

+ Kết quả giám sát cho thấy các Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2021 đã phản ánh trung thực và công bố phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.

+ Thời gian lập các Báo cáo tài chính trong năm đều đúng thời hạn quy định, phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản trị của Công ty và công bố thông tin đến các cổ đông.

+ Báo cáo tài chính soát xét và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty (mẹ và con) đã được đơn vị Kiểm toán AISC chấp thuận toàn phần.

- Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.

- Không phát hiện các sai sót trọng yếu liên quan đến các số liệu kế toán.

### **3.2 *Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro***

Trong năm, UBKT ghi nhận HĐQT Công ty đã chỉ đạo sát sao Ban điều hành khẩn trương soạn thảo sửa đổi bổ sung và trình HĐQT xem xét có ý kiến trước khi trình ra ĐHĐCĐ thường niên kỳ này để thông qua các văn bản quan trọng: 1. Điều lệ của Công ty; 2. Quy chế nội bộ về quản trị; 3. Quy chế hoạt động của HĐQT; 4. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh; 5. Phê duyệt thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty. Việc cập nhật sửa đổi bổ sung những văn bản này sẽ đảm bảo cho việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thực tiễn của Công ty.

**3.3 *Rà soát giao dịch giữa công ty, công ty con với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người có liên quan; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất***

Trong năm, UBKT chưa ghi nhận có giao dịch nào.

### **3.4 *Giám sát bộ phận KTNB của công ty***

- Trong năm, UBKT đã chỉ đạo và giám sát KTNB thực hiện kiểm tra trực tiếp tại Công ty và các công ty con về công tác tuân thủ các quy trình, quy chế đã ban hành. UBKT/KTNB đã có báo cáo kết quả và khuyến nghị với HĐQT và Ban điều hành Công ty nhằm điều chỉnh bổ sung một số chi tiết của quy chế quản lý tài chính cho đầy đủ phù hợp và chặt chẽ hơn.

- Hàng tuần, UBKT/KTNB thực hiện giám sát công tác điều hành của Ban điều hành thông qua các Báo cáo giao ban tuần.

- Hàng tháng, UBKT/KTNB đều tham gia họp giao ban tháng và đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch tháng với Ban điều hành.

- Trong năm KTNB đã trình HĐQT/Ban điều hành 06 bản báo cáo khuyến nghị và đóng góp ý kiến thông qua UBKT theo đúng quy định và chức năng của KTNB.

### **3.5 Theo dõi và đánh giá hiệu quả của quá trình Kiểm toán**

- UBKT đánh giá kế hoạch và việc thực hiện kiểm toán 2021 của đơn vị Kiểm toán độc lập (Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán AISC) là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của Kiểm toán độc lập.

- UBKT tham dự buổi làm việc báo cáo kết quả kiểm toán năm của Công ty Kiểm toán và có ý kiến trước khi phát hành chính thức. Đánh giá báo cáo tài chính của Công ty đã Kiểm toán đảm bảo độ tin cậy và trung thực, đáp ứng đúng nhu cầu cung cấp cho cổ đông và các bên có liên quan.

### **3.6 Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty**

- HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nhà nước, các Thông tư, Nghị định của Bộ Tài chính, Điều lệ về quản trị, điều hành Công ty.

- Việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của HĐQT và Ban điều hành đã được nghiêm túc phối hợp thực hiện, đạt hiệu quả cao.

- Việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan được thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định.

## **4. Đánh giá toàn diện của UBKT đối với Công ty trong năm 2021**

Tất cả các hoạt động của Công ty đều phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, việc công bố thông tin được thực hiện kịp thời, minh bạch, UBKT không thấy điều gì bất thường trong quản trị điều hành Công ty của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý Công ty. Cụ thể:

**4.1** Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng định hướng, chỉ đạo, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định kịp thời theo đề xuất của Ban điều hành phù hợp thực tế giúp cho Ban điều hành tổ chức và thực hiện công tác điều hành, quản lý Công ty tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, pháp luật nhà nước, Điều lệ, Quy chế quản lý của Công ty. Mặc dù trong năm 2021, cả nước gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì ổn định, kinh doanh có lãi, đạt được kế hoạch đã đề ra.

**4.2** HĐQT và Ban điều hành đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong việc chấp hành đầy đủ các quy định về hoàn thành chi trả cổ tức theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, việc chi trả nốt 10% cổ tức bằng tiền mặt của năm 2020 còn chậm (trong tháng 12/2021) do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, thủ tục pháp lý, làm việc với cơ quan nhà nước kéo dài.

## **5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, TGD và các cổ đông**

UBKT tích cực phối hợp với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ, tuân thủ Quy chế hoạt động của UBKT đã được ban hành.

## **6. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT**

200  
TY  
IÁN  
HÀ T  
HÚC  
VĨNH

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **III. Kế hoạch của UBKT năm tài chính 2022.**

1. Tiếp tục nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty mẹ và các Công ty thành viên.

2. Tham mưu cho HĐQT về công tác giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, tính trung thực và cẩn trọng trong quản trị và điều hành quản lý vốn, vật tư, tài sản ... của Công ty mẹ và các Công ty thành viên; kịp thời phát hiện ra các rủi ro tiềm ẩn và rủi ro phát sinh nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty.

3. Tham gia đóng góp ý kiến, cùng HĐQT, Ban điều hành quản lý, hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành Công ty. Tăng cường giám sát hoạt động nhằm sớm phát hiện ra các rủi ro, vi phạm, thiếu sót để chấn chỉnh kịp thời theo đúng quy định.

4. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động KTNB với Ban Điều hành và các phòng ban trong Công ty; thực hiện các cuộc KTNB định kỳ đã được HĐQT phê duyệt; Đề xuất với HĐQT thông qua các cuộc KTNB đột xuất, phát sinh do nhu cầu thực tế để giảm thiểu và phòng ngừa rủi ro. Thực hiện đồng thời ba hình thức: tiền kiểm, đồng kiểm và hậu kiểm linh hoạt cho phù hợp với thực tế của hoạt động kinh doanh.

5. Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn về công tác KTNB. Cập nhật đầy đủ các chính sách/quy định mới của pháp luật.

6. Trên đây là Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy Ban kiểm toán năm 2021 và kế hoạch năm 2022 kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

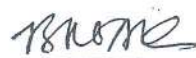
Thay mặt UBKT, Tôi xin kính chúc Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu thật nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công; chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo!

#### **Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**T/M ỦY BAN KIỂM TOÁN  
CHỦ NHIỆM**



**Phạm Văn Hoanh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

Số: 01/2022/TTr-UBKT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

**(V/v: Đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022)**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

- Căn cứ Điều Lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc ban hành ngày 15/01/2021.

- Căn cứ năng lực các Công ty kiểm toán được Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán Báo cáo Tài chính các Công ty đại chúng và Công ty niêm yết.

Ủy Ban kiểm toán kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt phương án chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH dịch vụ Kiểm toán & Tư vấn UHY ACA.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một Công ty kiểm toán trong danh sách trên để kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo soát xét bán niên năm 2022 của Công ty.

Ủy Ban Kiểm toán kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình ./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN  
CHỦ NHIỆM**

**Phạm Văn Hoanh**

Số: 01/2022/TTr-HĐQT

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

### TỜ TRÌNH

***(V/v: Phê duyệt mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021 và dự kiến mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022)***

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc ban hành ngày 15/01/2021.

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài chính 2022 của Công ty;

- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 0812/BB/HĐQT-IDV ngày 08/12/2021.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021 cho các Quỹ, Cổ đông:

- Mức chi trả cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1912/2020/NQ-ĐHĐCĐ/IDV ngày 19/12/2020 là 5% bằng tiền và 20% bằng cổ phiếu.

- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ phê duyệt mức chi trả cổ tức năm tài chính 2021 là 5% bằng tiền và 20% bằng cổ phiếu.

- Mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021 cho Cổ đông cụ thể::

TT	Diễn giải phân bổ	Tỷ lệ phân bổ	Giá trị phân bổ (VNĐ)	Ghi chú
I	Lợi nhuận còn lại tại 30/9/2020 chuyển sang:		224.246.316.218	
II	Lợi nhuận sau thuế kỳ từ (1/10/2020-30/9/2021):		155.620.988.680	
	Lợi nhuận cổ đông không kiểm soát		(131.629.804)	
III	Phân bổ lợi nhuận sau thuế (1+2+3+4):		86.076.310.657	
1	Quỹ đầu tư phát triển	8%	12.646.089.081	
2	Quỹ khen thưởng HĐQT, BĐH	5%	7.903.805.676	
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2%	3.164.043.112	
4	Trả cổ tức cho các cổ đông:			

	- Cổ tức bằng tiền lần 1/2020	10% VDL	17.003.873.950	Đã thực hiện 12/2020
	- Thương cổ phiếu quỹ cho CBCNV		11.204.915.133	Đã thực hiện 6/2021
	- Thương cổ phiếu quỹ cho CĐHH		7.432.593.705	Đã thực hiện 9/2021
	- Cổ tức bằng cổ phiếu lần 2/2020	15% VDL	26.720.990.000	Đã thực hiện 9/2021
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận để lại chưa phân phối tại ngày 30/9/2021</b>		<b>293.922.624.045</b>	
	- Trả cổ tức bằng tiền lần 3/2020	10% VDL	21.023.450.000	Thực hiện 01/2022
	- Trả cổ tức bằng tiền lần 1/2021	5% VDL	10.511.725.000	Thực hiện 01/2022
	- Trả cổ tức bằng cổ phiếu lần 2/2021	20% VDL	42.046.900.000	Thực hiện Quý 2, Quý 3/2022
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận dự kiến còn lại chưa phân phối</b>		<b>220.340.549.045</b>	

2. Thông qua mức dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2022 cho các Quỹ, Cổ đông:

TT	Dự kiến phân phối	Tỷ lệ, %	Ghi chú
1	Quỹ đầu tư phát triển	8% LNST	
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2% LNST	
3	Quỹ khen thưởng HĐQT và BDH	5% LNST	
4	Trả cổ tức theo các hình thức và trình tự như sau:	25% VDL	
	- Trả cổ tức bằng tiền lần 1/2022	5% VDL	Dự kiến tháng 12/2022
	- Trả cổ tức bằng cổ phiếu lần 2/2022	20% VDL	Sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trịnh Việt Dũng**



Số: 02/2022/TTr-HĐQT

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

***(V/v: Phê duyệt mức kinh phí hoạt động của HĐQT, các Ủy ban  
trực thuộc HĐQT năm tài chính 2022)***

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Phát triển  
hạ tầng Vĩnh Phúc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc ban hành ngày 15/01/2021;

- Căn cứ kế hoạch hoạt động kinh doanh năm tài chính 2022 của Công ty;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2021 đã thông qua mức kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm tài chính 2021 là: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng). HĐQT xin báo cáo ĐHĐCĐ số kinh phí đã sử dụng trong năm tài chính 2021 và dự kiến kinh phí hoạt động năm tài chính 2022 như sau:

1. Kinh phí hoạt động của HĐQT, các Ủy Ban trực thuộc HĐQT năm tài chính 2021, đã sử dụng là: 2.397.800.000 đồng; còn lại là: 102.200.000 đồng.

2. Đề xuất mức kinh phí cho hoạt động của HĐQT, các Ủy Ban trực thuộc HĐQT trong năm tài chính 2022 là: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng). Cụ thể: Mức kinh phí hoạt động của HĐQT và các Ủy Ban trực thuộc HĐQT là 2.397.800.000 đồng cộng với 102.200.000 đồng chưa sử dụng hết của năm trước (2021) chuyển sang.

HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ giao Chủ tịch HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT và kinh phí hoạt động của các Ủy Ban trực thuộc HĐQT trên tổng mức kinh phí hoạt động đề xuất nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình ./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

  
Trịnh Việt Dũng

Số: 03/2022/TTr-HĐQT

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

## TỜ TRÌNH

(V/v: Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Lô II – huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông – Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc ban hành ngày 15/01/2021;
- Căn cứ các thủ tục pháp lý mà Công ty đã triển khai đến thời điểm hiện tại.

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2022 về Khu công nghiệp Sông Lô II với nội dung như sau:

### 1. Khái quát về KCN Sông Lô II:

Khu công nghiệp Sông Lô II nằm trên địa bàn các xã Đồng Thịnh, Yên Thạch, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Cách nút giao Văn Quán đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai 5 km. Cách sân bay Nội Bài 60 km. Cách thủ đô Hà Nội 80 km. Cách Cảng Hải Phòng 180 km. Cách Thành Phố Vĩnh Yên 25 km.

- Diện tích đất quy hoạch: 170,677 ha trong đó:
  - + Diện tích đất khu công nghiệp: 165,65 ha
  - + Diện tích đất đường giao thông đi qua: 5,02 ha (do ngân sách tỉnh Vĩnh Phúc đầu tư)
  - + Đất công nghiệp xây dựng nhà máy: 116,65 ha
- Quy hoạch chi tiết KCN Sông Lô II tỉ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt tại quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 10/01/2014.

### 2. Quy hoạch phân bổ sử dụng đất KCN Sông Lô II:

Stt	Phân bổ sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất Khu công nghiệp</b>	<b>165,6546</b>	<b>100,00%</b>
1	Đất xây dựng nhà máy	116,6500	70,42%
2	Đất hành chính, dịch vụ	3,6532	2,21%
3	Đất cây xanh, mặt nước	21,6391	13,06%
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	1,7305	1,04%
5	Đất Giao thông, bãi đỗ xe	21,982	13,27%
<b>B</b>	<b>Đất giao thông đối ngoại</b>	<b>5,0224</b>	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>170,6770</b>	



### 3. Dự kiến tổng mức đầu tư: 1.520 tỷ đồng

Trong đó:

- Vốn xây dựng	573,944	Tỷ đồng
- Chi phí bồi thường GPMB	508,093	Tỷ đồng
- Chi phí khác	76,808	Tỷ đồng
- Dự phòng 10%	115,885	Tỷ đồng
- Vốn vận hành	19,606	Tỷ đồng
- Lãi vay trong GD XDCCB	225,664	Tỷ đồng

### 4. Nguồn vốn thực hiện dự án:

- Vốn Chủ đầu tư	245	Tỷ đồng
- Vốn vay (lãi suất 10%/năm)	1.275	Tỷ đồng

### 5. Thời gian thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Năm 2020 đến Quý IV/2021.
- Giai đoạn thực hiện đầu tư XDCCB trong 36 tháng (từ 2022 – 2024).

### 6. Tỷ lệ cho thuê, doanh thu dự kiến:

Stt	Năm	Tỷ lệ cho thuê đất (%)	Doanh thu (tỷ VNĐ)
1	2022	0	0
2	2023	0	0
3	2024	0	0
4	2025	15%	209,00
5	2026	30%	464,17
6	2027	30%	475,91
7	2028	20%	337,90
8	2029	5%	123,30
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>1.610</b>

### 7. Hiệu quả tài chính của dự án:

- + Giá trị hiện tại thuần NPV: 86,98 tỷ đồng
- + Tỷ suất hoàn vốn nội tại (i=10%): 13,65%
- + Thời gian hoàn vốn của dự án: 6,53 năm

### 8. Nhận xét:

Trong giai đoạn hiện nay nhu cầu thuê đất của các doanh nghiệp rất lớn, VPID cần tranh thủ cơ hội để phát triển mở thêm khu công nghiệp mới đón dòng đầu tư đang dịch chuyển về các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam, là nước đang hấp dẫn các nhà đầu tư FDI bởi tình hình chính trị ổn định, mở cửa hội nhập toàn diện, sâu rộng với thế giới bên ngoài.

Bằng việc phân tích tài chính dự án theo phương pháp chiết khấu dòng tiền cho thấy hiệu quả thu được là khá cao, với tiềm lực tài chính hiện tại của VPID và kinh nghiệm thực hiện đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN thì VPID có thể hoàn toàn đủ khả năng thực hiện dự án này một cách có hiệu quả.

**9. Cập nhật tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại:**

- Ngày 23/02/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 229/QĐ-TTg Phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Sông Lô II, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 11/3/2021, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 600/QĐ-UBND về việc thành lập Khu công nghiệp Sông Lô II, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ngày 30/03/2021, Ban Quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư cho dự án.

- UBND huyện Sông Lô đã ban hành Quyết định thành lập: (1) Ban chỉ đạo bồi thường GPMB; (2) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; (3) Tổ công tác giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu công nghiệp Sông Lô II;...

**10. Đề xuất phê duyệt:**

- Kính trình ĐHQĐ phê duyệt phương án đầu tư dự án KCN Sông Lô II như nội dung đã trình bày ở trên.

- Ủy quyền cho HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn quyết định các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Việt Dũng**



Số: 04/2022/TTr-HĐQT

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

## TỜ TRÌNH

*(V/v: Kế hoạch đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng  
CCN Hồng Đức – huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương)*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan;
  - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc ban hành ngày 15/01/2021;
  - Căn cứ các thủ tục pháp lý mà Công ty đã triển khai đến thời điểm hiện tại.
- Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2022 về Cụm công nghiệp Hồng Đức với nội dung như sau:

### 1. Khái quát về CCN Hồng Đức:

Cụm công nghiệp Hồng Đức nằm trên địa bàn xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương:

- Cách sân bay Nội Bài: 87km
- Cách cảng Hải Phòng: 66km
- Cách đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng: 9km
- Cách TT Thành Phố Hải Dương: 22km

Diện tích đất quy hoạch: 75 ha trong đó:

- Diện tích đất công nghiệp xây dựng nhà máy: 54,29 ha
- Diện tích đất dùng chung (giao thông, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật...): 20,71 ha.

### 2. Quy hoạch phân bổ sử dụng đất CCN Hồng Đức:

STT	Phân bổ sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy	54,29	72,39%
2	Các khu kỹ thuật		
3	Công trình hành chính, dịch vụ		
4	Giao thông		
5	Cây xanh	20,71	27,61%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>75</b>	<b>100%</b>



### 3. Dự kiến tổng mức đầu tư: 450 tỉ đồng

Trong đó:

- Vốn xây dựng	161,082	Tỉ đồng
- Chi phí bồi thường GPMB	222,000	Tỉ đồng
- Chi phí khác	3,350	Tỉ đồng
- Dự phòng 5% (Xây dựng + Chi phí khác)	8,222	Tỉ đồng
- Vốn vận hành	12,663	Tỉ đồng
- Lãi vay trong GD XDCB	42,683	Tỉ đồng

### 4. Nguồn vốn thực hiện dự án:

- Vốn Chủ đầu tư – 40%/TMĐT	180	Tỉ đồng
- Vốn vay – 60%/TMĐT	270	Tỉ đồng

### 5. Thời gian thực hiện dự án:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư, GPMB: Năm 2021- 2022
- Giai đoạn thực hiện đầu tư XDCB trong 36 tháng (từ 2023-2025).

### 6. Tỷ lệ cho thuê, doanh thu dự kiến:

Stt	Thời gian	Diện tích đất cho thuê(m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ lấp đầy
1	Năm thứ nhất (2022)	0	0
2	Năm thứ 2 (2023)	0.00	0%
3	Năm thứ 3 (2024)	0.00	0%
4	Năm thứ 4 (2025)	2.75	5%
5	Năm thứ 5 (2026)	11.00	20%
6	Năm thứ 6 (2027)	22.00	40%
7	Năm thứ 7 (2028)	19.25	35%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.00</b>	<b>100%</b>

### 7. Hiệu quả tài chính của dự án:

- + Giá trị hiện tại thuần NPV: 6,66 tỉ đồng
- + Tỷ suất hoàn vốn nội tại (i=10%): 10,63 %
- + Thời gian hoàn vốn của dự án: 6,07 năm

### 8. Nhận xét:

Trong giai đoạn hiện nay nhu cầu thuê đất của các doanh nghiệp rất lớn, VPID cần tranh thủ cơ hội để phát triển mở thêm khu công nghiệp mới đón dòng đầu tư đang dịch chuyển về các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam, là nước đang hấp dẫn các nhà đầu tư FDI bởi tình hình chính trị ổn định, mở cửa hội nhập toàn diện, sâu rộng với thế giới bên ngoài.

Bằng việc phân tích tài chính dự án theo phương pháp chiết khấu dòng tiền cho thấy hiệu quả thu được là khá cao, với tiềm lực tài chính hiện tại của VPID và kinh nghiệm thực hiện đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN thì VPID có thể hoàn toàn đủ khả năng thực hiện dự án này một cách có hiệu quả.

**9. Cập nhật tiến độ triển khai dự án đến thời điểm hiện tại:**

- Ngày 09/05/2021 UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 1389/QĐ-UBND về việc “Thành lập cụm công nghiệp Hồng Đức – Huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương” do Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc làm chủ đầu tư.

- Ngày 20/05/2021 ký Hợp đồng với Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương thực hiện lập việc “khảo sát hiện trạng; lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Cụm công nghiệp Hồng Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương”.

- Phối hợp, làm việc với UBND huyện Ninh Giang, Sở TN&MT tỉnh Hải Dương và các sở, ngành liên quan hoàn thiện rà soát, cập nhật bổ sung đất cụm công nghiệp vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và năm 2022 của huyện Ninh Giang (diện tích đủ 75 ha).

- Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện đo vẽ lại bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/2000 phục vụ lập quy hoạch chi tiết 1/500.

**10. Đề xuất phê duyệt:**

- Kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt phương án đầu tư dự án Cụm công nghiệp Hồng Đức như nội dung đã trình bày ở trên.

- Ủy quyền cho HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn quyết định các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

  
**Trịnh Việt Dũng**

A-C.T.C.P  
NG  
PHÚC

Số: 05/2022/TTr-HĐQT

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022

## TỜ TRÌNH

*(V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị,  
Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Phát triển  
hạ tầng Vĩnh Phúc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc ban hành ngày 15/01/2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc, kính trình Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể:

### **1. Cơ sở và lý do đề xuất:**

- Từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật quan trọng mới liên quan đến hoạt động của Công ty đã có hiệu lực, bao gồm: Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020; Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Các văn bản quy phạm pháp luật này chứa đựng nội dung thay đổi quan trọng, tác động đến các doanh nghiệp nói chung và các Công ty đại chúng, Công ty niêm yết nói riêng.

- Với những thay đổi nêu trên, Công ty cần phải kịp thời cập nhật, sửa đổi các nội dung của Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để tuân thủ quy định của pháp luật.

### **2. Nguyên tắc xây dựng**

- Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tối thiểu phải bao gồm các quy định của Điều lệ mẫu, Quy chế mẫu và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.





### **3. Đề xuất thông qua:**

Căn cứ vào mục đích, nguyên tắc và nội dung sửa đổi, bổ sung, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua các nội dung sau:

3.1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty được nêu cụ thể trong Phụ lục Thuyết minh sửa đổi, Dự thảo Điều lệ Công ty đính kèm Tờ trình này.

3.2. Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT đính kèm Tờ trình này.

3.3. Thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Phụ lục Thuyết minh sửa đổi đính kèm Tờ trình này.

Toàn văn Dự thảo Điều lệ, các Quy chế và các tài liệu thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung vào Điều lệ, Quy chế được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc ([www.vpid.vn](http://www.vpid.vn))

Điều lệ, các Quy chế sửa đổi, bổ sung mới được ĐHĐCĐ thông qua sẽ có hiệu lực kể từ ngày 08/01/2022 và thay thế cho Điều lệ và các quy chế hiện hành.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình!

#### ***Nơi nhận:***

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, UBKT;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Trịnh Việt Dũng**





**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**



**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**  
*(Ban hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022)*

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2022



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY .....	8
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty .....	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa .....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP .....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần .....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và Kiểm soát .....	11
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG .....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông: .....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	28
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	34

002  
 CÔNG  
 CỔ P  
 T TRI  
 VĨNH  
 YÊN

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....	34
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>35</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	35
Điều 34. Người điều hành .....	35
Điều 35. Tổng giám đốc .....	36
<b>IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN.....</b>	<b>38</b>
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán .....	38
Điều 37. Thành phần Ủy ban kiểm toán .....	38
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán .....	38
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	39
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	39
<b>X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>40</b>
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng .....	40
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	40
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	41
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>41</b>
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....	41
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>42</b>
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn .....	42
<b>XIII. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ TRONG CÔNG TY.....</b>	<b>43</b>
Điều 46. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác .....	43
<b>XIV. ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT.....</b>	<b>43</b>
Điều 47. Quan hệ giữa Công ty Mẹ với các đơn vị hạch toán phụ thuộc .....	43
Điều 48. Quan hệ giữa Công ty Mẹ và công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên .....	43
Điều 49. Quan hệ giữa Công ty Mẹ với Công ty con là Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên và Công ty liên doanh .....	44
Điều 50. Quan hệ giữa Công ty và Công ty liên kết. ....	44
Điều 51. Công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau .....	44
Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết. ....	45
Điều 53. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của công ty ở công ty con, công ty liên kết. ....	46
Điều 54. Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. ....	47
<b>XV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....</b>	<b>47</b>
Điều 55. Phân phối lợi nhuận.....	47
<b>XVI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	<b>48</b>
Điều 56. Tài khoản ngân hàng.....	48
Điều 57. Quỹ dự trữ.....	48
Điều 58. Năm tài chính.....	49
Điều 59. Hệ thống kế toán.....	49

2004  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 PHÁT TRIỂN  
 HẠ TẦNG  
 VĨNH PHÚC

<b>XVII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	49
Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý.....	49
Điều 61. Báo cáo thường niên.....	49
Điều 62. Trách nhiệm về công bố thông tin .....	49
<b>XVIII. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> .....	50
Điều 63. Kiểm toán.....	50
<b>XIX. CON DẤU CỦA CÔNG TY</b> .....	50
Điều 64. Con dấu của Công ty .....	50
<b>XX. GIẢI THỂ CÔNG TY</b> .....	50
Điều 65. Giải thể Côngty .....	50
Điều 66. Thanh lý.....	50
<b>XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b> .....	51
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	51
<b>XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> .....	52
Điều 68. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty .....	52
<b>XXIII. NGÀY HIỆU LỰC</b> .....	52
Điều 69. Ngày hiệu lực.....	52
<b>PHỤ LỤC 1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÔNG TY</b> .....	53
<b>PHỤ LỤC 2</b> .....	56
<b>DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....	56



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý, chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (sau đây gọi là "Công ty"). Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức ngày 08 tháng 01 năm 2022.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã được ghi trong Điều Lệ Công ty.
  - b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày được Quốc Hội thông qua là ngày 17 tháng 06 năm 2020.
  - c) "Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày được Quốc Hội thông qua là ngày 26 tháng 11 năm 2019.
  - d) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.
  - e) "Người điều hành Công ty" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
  - f) "Người quản lý Công ty" bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - g) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - h) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
  - i) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
  - j) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
  - k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và có thể được thay đổi nếu được Đại hội đồng cổ đông của thông qua bằng Nghị quyết.
  - l) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - m) "Cổ phần chi phối và vốn góp chi phối của Công ty" là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của Doanh nghiệp khác.
  - n) "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty Mẹ với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, góp vốn chi phối tại Công ty con hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của Công ty con, quyết định đối với Điều lệ hoạt động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt của Công ty con đó.

- o) “Công ty Mẹ, Công ty Con”: Quan hệ giữa hai công ty được gọi là quan hệ Mẹ, Con khi có một trong hai công ty nắm quyền chi phối. Trong trường hợp này Công ty nắm quyền chi phối là Công ty Mẹ, Công ty còn lại là Công ty con.
- p) “Công ty Con”: là doanh nghiệp được Công ty Mẹ đầu tư lớn hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty TNHH 1 thành viên, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty liên doanh, Công ty ở nước ngoài.
- q) “Công ty liên kết” là các Công ty có vốn góp nhỏ hơn 50% dưới mức chi phối của Công ty Mẹ được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty liên doanh với nước ngoài, Công ty ở nước ngoài.
- r) “Đơn vị trực thuộc” bao gồm: các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Công ty con.
- s) “Đơn vị phụ thuộc: là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, bao gồm: các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh
- t) “Ủy ban kiểm toán” có nghĩa là Ủy Ban kiểm toán trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.
- II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
  - Tên tiếng Anh: VINH PHUC INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
  - Tên giao dịch viết tắt: VPID- JSC
2. Hình thức Công ty: là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
  - Điện thoại: (0211) 3720945

- Fax: (0211) 3845944
  - Email: idv@vpid.vn
  - Website: <http://www.vpid.vn>; <http://www.vpid.com.vn>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
  5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 59 Luật Doanh nghiệp, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty chỉ có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:
  - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
  - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về công ty mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.
5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Trường hợp hết thời hạn uỷ quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có uỷ quyền khác thì người được uỷ quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được uỷ quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thực hiện nhiệm vụ của mình

2200  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
PHÁT TRIỂN  
HẠ TẦNG  
VĨNH PHÚC  
V.T.VIN



với trách nhiệm được quy định cụ thể tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY

#### Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này. Tùy từng thời điểm, theo mục tiêu hoạt động của Công ty mà Phụ lục này có thể được bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp, theo đúng quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm: (1) tối đa hóa lợi ích và nâng cao giá trị của Công ty trong sự hài hòa lợi ích của các Cổ đông; (2) không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập và môi trường làm việc của người lao động; và (3) đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.

#### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 30% vốn điều lệ.

### IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

#### Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Là số vốn được xác định trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần mới nhất của công ty. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành số cổ phần tương ứng với mệnh giá là 10.000 VNĐ/ cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là các cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục 2 đính kèm. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ.



6. Cổ phần phổ thông trong trường hợp tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều

kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

**Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

**Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần ưu đãi có các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng, chỉ được chuyển nhượng khi các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng hết hiệu lực.

**Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh (theo lãi suất Ngân hàng cho vay mà Công ty quan hệ tại từng thời điểm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.



6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và Kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT;
3. Tổng giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
  - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
  - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
  - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm; Báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
  - c) Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT được thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

**Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông:**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho các cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
3. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
5. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới các hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại khác xảy ra.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định của pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm

của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, Báo cáo tài chính quý, bán niên hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
  - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty;
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
  - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
  - k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
  - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
  - m) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty
  - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
  - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
  - g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;



- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - i) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - j) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - k) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - l) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
  - n) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
  - p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - q) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - r) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp hoặc có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung quy định sau đây:
  - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20, 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Phiếu biểu quyết;
  - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
  - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết

định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

**Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
  - b) Cổ đông, người đại diện được ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a) Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
  - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
  - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
  - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
  - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số

những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 50 % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan nội dung sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
  - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - f) Sửa đổi bổ sung Điều lệ;
  - g) Vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận

- phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - b) Mục đích lấy ý kiến;
    - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
    - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
    - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
    - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
    - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
  5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức sau đây:
    - a) Gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
    - b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
    - c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
  6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của 1 thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
    - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;



- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của

- Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
  4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

**VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
  - e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
  - f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
  - g) Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.**

- 1. Số lượng thành viên hội đồng quản trị tối thiểu là năm (05) người và tối đa là mười một (11) người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
  - a) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
  - b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- i. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;
  - ii. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
  - iii. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.
  - d) Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của một Công ty bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
  - e) Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp:
- 6.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều này và Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
  - c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không có năng lực hành vi.
- 6.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
  - b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
  - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 6.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại mục 6.1, 6.2 khoản 6 Điều này.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau này:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều Lệ Công ty. Trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
  - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
  - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng

- cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - p) Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
  - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
  - r) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.
  - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được hưởng thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban/Tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban/Tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

**Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.
4. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
  - a) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Đa số thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 4 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
7. Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
8. Thông báo và nội dung họp:
  - 8.1 Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.
  - 8.2 Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b) Phát biểu tới tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Biểu quyết
  - a) Trừ quy định tại điểm khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c) Theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
13. Những người được mời họp dự thính bao gồm: Tổng Giám đốc, các Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý cấp cao, các chuyên gia,... có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
14. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao

dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

15. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
17. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

#### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro nếu thấy cần thiết và vào thời điểm thích hợp. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ủy Ban kiểm toán;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

##### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

##### **Điều 34. Người điều hành**

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh quan trọng khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Mức lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, và Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. HĐQT sẽ quy định chi tiết việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành công ty tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Điều 35. Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các Hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh hàng năm và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt hiệu quả tốt nhất;
  - c) Kiến nghị số lượng và cán bộ quản lý Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác của Hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
  - d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty (theo quy chế trả lương, trả thưởng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt), kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - f) Tuyển dụng lao động, quyết định số lượng người lao động trong Công ty;
  - g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - h) Phê duyệt thiết kế, dự toán chi tiết của từng hạng mục trong dự án (không vượt quá giá trị dự án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt), hồ sơ mời thầu, kết quả trúng thầu (không vượt quá giá trị gói thầu, dự toán đã được Hội đồng quản trị

- phê duyệt) và các hoạt động khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng;
- i) Quyết định việc mua sắm, thuê mua theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư hàng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt; quyết định việc mua sắm ngoài kế hoạch cần phải thực hiện ngay để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh (không vượt quá giá trị đã được Hội đồng quản trị phê duyệt) nhưng sau đó phải báo cáo Hội đồng quản trị;
  - j) Được uỷ quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về việc uỷ quyền đó.
  - k) Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch hoạ, hoả hoạn, sự cố) và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
  - l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty.
5. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 8 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp.
6. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc là người điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.
7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc Công ty: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc). Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:
- a) Không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc Công ty theo quy định.
  - b) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty.
  - c) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
  - d) Có đơn xin từ chức.
  - e) Không thực hiện đúng hoặc điều hành trái với các quy định về quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.
  - f) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế Công ty.

g) Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

#### **IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.

#### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 37. Thành phần Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kỹ thuật, xây dựng, kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

#### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán**

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.

**Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỉ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

**Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
  - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
  - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
  - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
  - f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
  - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;



**X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

**Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a) Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép

thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b) Đối với những hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Những chi phí bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

#### **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

##### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
  3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
  4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
  5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ TRONG CÔNG TY**

#### **Điều 46. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác**

Các tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các Tổ chức chính trị xã hội khác của Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng Điều lệ của các tổ chức đó và quy định của pháp luật.

### **XIV. ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

#### **Điều 47. Quan hệ giữa Công ty Mẹ với các đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự... của Công ty theo quy định tại quy chế của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

#### **Điều 48. Quan hệ giữa Công ty Mẹ và công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Hội đồng quản trị công ty là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Hội đồng quản trị công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:
  - a) Quyết định chiến lược phát triển; phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty con theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
  - b) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
  - c) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
  - d) Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc Chủ tịch hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc công ty con đó.
  - e) Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- f) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý theo điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo đề trình của công ty con đó.
- h) Quyết định các hình thức và biện pháp tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phát sản công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại điều lệ của công ty con đó. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty con đó sau khi hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
- i) Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

**Điều 49. Quan hệ giữa Công ty Mẹ với Công ty con là Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên và Công ty liên doanh**

- 1. Công ty con là Công ty cổ phần, Công ty TNHH 02 thành viên trở lên, Công ty liên doanh (sau đây gọi là Doanh nghiệp bị chi phối) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại mô hình đó.
- 2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại Công ty con theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty đó.
- 3. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở Công ty con thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các Công ty con.
- 4. Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

**Điều 50. Quan hệ giữa Công ty và Công ty liên kết.**

- 1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.
- 2. Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

**Điều 51. Công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau**

- 1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của pháp luật có liên quan.
- 2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty mẹ và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này.
- 3. Trường hợp công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với

thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

4. Người quản lý của công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại Khoản 3 Điều này phải liên đới cùng công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.
5. Trường hợp công ty mẹ không đền bù cho công ty con theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 10% hoặc 1 nhóm cổ đông sở hữu 10% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con đòi công ty mẹ đền bù thiệt hại cho công ty con.
6. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại Khoản 3 Điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác cùng một công ty mẹ thì công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho công ty con bị thiệt hại.
7. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối.
8. Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ đề xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con.
9. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng (những vấn đề quan trọng được ghi cụ thể trong quy chế quản lý vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác) trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của công ty.
10. Chỉ đạo người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty con trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị hoặc bổ nhiệm hay thuê Giám đốc công ty con và sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty đó theo quy định của pháp luật.
11. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần góp vốn của mình ở các công ty con.
12. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp và các công ty con.
13. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đã góp vào các công ty con.

**Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, công ty liên kết.**

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, là người của Công ty.
  - b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ.
  - c) Có hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật.

- d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch.
  - e) Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp.
2. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp đó.

**Điều 53. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của công ty ở công ty con, công ty liên kết.**

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại công ty con, công ty liên kết. Sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của công ty.
  - b) Trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết theo quy định của điều lệ doanh nghiệp đó.
  - c) Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con, công ty liên kết.
  - d) Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối.
  - e) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên của công ty con về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi bổ sung điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ, chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn.
  - f) Chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về quản lý vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trong trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Công ty.
  - g) Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty hưởng chế độ lương hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 54. Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con.**

1. Vào thời điểm kết thúc quý, 6 tháng, năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:
  - a) Báo cáo tài chính hợp nhất toàn công ty theo quy định của pháp luật về kế toán.
  - b) Báo cáo tổng hợp công tác quản lý điều hành của công ty.
2. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con.
3. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.
4. Trường hợp không biết hoặc không nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo thì người quản lý công ty mẹ sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.
5. Trong trường hợp người quản lý công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của nhóm công ty. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.
6. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng quý, bán niên, năm của công ty mẹ, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm công ty phải được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.
7. Đối với các công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và báo cáo tổng hợp về các giao dịch khác với công ty mẹ. Khi công ty mẹ có yêu cầu.

**XV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

**Điều 55. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.



4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XVI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 56. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 57. Quỹ dự trữ**

1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào các quỹ sau:
  - a) Quỹ đầu tư phát triển;
  - b) Quỹ khen thưởng Ban điều hành;
  - c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi.
  - d) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Tỷ lệ trích lập các quỹ: Hội đồng quản trị lập phương án trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt
3. Việc sử dụng quỹ để bổ sung vốn điều lệ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 58. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên (01) của tháng mười (10) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi (30) của tháng chín (09) năm sau.

**Điều 59. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS), hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

**XVII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tình hình tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 61. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán .

**Điều 62. Trách nhiệm về công bố thông tin**

1. Công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Việc công bố thông tin do người được uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

3. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, hàng năm, các tài liệu bổ trợ khác phải được lập, công bố ra công chúng theo những quy định về công bố thông tin đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

#### **XVIII. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

##### **Điều 63. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

#### **XIX. CON DẤU CỦA CÔNG TY**

##### **Điều 64. Con dấu của Công ty**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **XX. GIẢI THỂ CÔNG TY**

##### **Điều 65. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty;
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHQĐCD;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

##### **Điều 66. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban



thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

2. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c) Nợ thuế;
  - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty hoặc thỏa thuận giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty;
  - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

**XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**Điều 68. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**XXIII. NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 69. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 23 mục 69 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc nhất trí thông qua ngày 08 tháng 01 năm 2022 tại Vĩnh Phúc.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho bản Điều lệ công ty đã ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2021.
3. Điều lệ này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Phạm Trung Kiên**

**PHỤ LỤC 1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Stt	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu đô thị nhà ở;</li> <li>- Kinh doanh Bất động sản;</li> <li>- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; (Điểm b Khoản 1 Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản 2014)</li> <li>- Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; (Điểm d Khoản 1 Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản 2014)</li> <li>- Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; (Điểm h Khoản 1 Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản 2014)</li> <li>- Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua (Điểm b Khoản 2 Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản 2014)</li> </ul>	6810 (chính)
2.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
3.	<p>Thu gom rác thải độc hại</p> <p>Chi tiết: Nhóm này gồm Việc thu gom rác thải độc hại ở dạng rắn hoặc dạng khác như chất gây nổ, chất gi sét, chất dễ cháy, chất độc, chất kích thích, chất gây ung thư, chất phá hủy dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khỏe con người và môi trường. Nó có thể được phân loại, xử lý, đóng gói và dán nhãn chất thải cho mục đích vận chuyển.</p> <p><i>Loại trừ:</i> Việc khôi phục và dọn sạch các toà nhà hư hỏng, các khu mỏ, các vùng đất, nước mặt bị ô nhiễm như việc loại bỏ các amiăng được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác). <b>Dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình.</b></p>	3812
4.	Tái chế phế liệu	3830
5.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
6.	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: - Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại</p>	4669
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
8.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9.	<p>Sản xuất kim loại màu và kim loại quý</p> <p>Trừ vàng và kim loại cấm kinh doanh</p>	2420
10.	Đúc sắt, thép	2431
11.	<p>Đúc kim loại màu</p> <p>Trừ vàng và kim loại cấm kinh doanh</p>	2432
12.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320